

Số: 43/BC-BTTTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ
ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN
LUẬT VIỄN THÔNG (SỬA ĐỔI)**

(Kèm theo Tờ trình số 172/TTr-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 63/2020/QH14, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) và cam kết quốc tế có liên quan, kết quả cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Mục đích rà soát

Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực viễn thông, thực hiện xem xét, đối chiếu, đánh giá các quy định của văn bản được rà soát với Luật Viễn thông 2009, với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, với sự phát triển của công nghệ và xu thế hội tụ viễn thông, công nghệ thông tin, tự động hóa. Từ đó phát hiện, đề xuất bổ sung, thay thế các quy định trong dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi), thay thế Luật Viễn thông 2009; chú trọng rà soát các nội dung quy định có thể gây cản trở, khó khăn, vướng mắc, giới hạn hoạt động viễn thông hoặc ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia hoạt động viễn thông; đảm bảo không mâu thuẫn, chồng chéo, trùng lặp với hệ thống pháp luật hiện hành liên quan đến lĩnh vực viễn thông.

2. Phạm vi rà soát

Các văn bản quy phạm pháp luật từ cấp Nghị định trở lên điều chỉnh các nội dung liên quan đến lĩnh vực viễn thông theo pháp luật quy định và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến viễn thông, quyền con người.

II. RÀ SOÁT QUI ĐỊNH VỀ VIỄN THÔNG VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Luật Viễn thông được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 23/11/2009, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2010.

Theo thống kê, hiện có 205 văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, được nhóm theo thẩm quyền và nội dung có liên quan đến Luật Viễn thông 2009; 12 điều ước quốc tế có liên quan đến Luật Viễn thông 2009 và quyền con người, trong đó:

- Luật, Bộ luật: 64 văn bản.

- Văn bản hướng dẫn: 260 văn bản (Nghị định: 72 văn bản; Thông tư: 65 văn bản; Thông tư liên tịch: 04 văn bản).

- Điều ước quốc tế: 12 văn bản (Hiệp định, Công ước).

1. Các văn bản do Quốc hội ban hành

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13.

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11.

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13.

- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12.

- Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14.

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11.

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11.

- Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13.

- Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14.

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14.

- Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11.

- Luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13.

- Luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14
- Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14
- Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13
- Luật Giá số 11/2012/QH13
- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11
- Luật Tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13.
- Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.
- Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12
- Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12
- Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12
- Luật Tàn số vô tuyến điện số 42/2009/QH12
- Luật Viên chức số 58/2010/QH12
- Luật Thanh tra số 56/2010/QH12
- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13
- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13
- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13
- Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13
- Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
- Luật Phá sản số 51/2014/QH13
- Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13
- Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13
- Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13
- Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13

- Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13
- Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13
- Luật Thống kê số 89/2015/QH13
- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14
- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14
- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14
- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14
- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14
- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14
- Luật Cư trú số 68/2020/QH14
- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14

(Danh mục Luật, Nghị định có liên quan đến lĩnh vực viễn thông trong Phụ lục I kèm theo)

2. Các văn bản qui định chi tiết dưới Luật

Nhằm hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông 2009, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành theo thẩm quyền đã ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, tổng số 119 văn bản hiện đang còn hiệu lực bao gồm: 05 Nghị định, 08 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 100 Thông tư và 06 Thông tư liên tịch. Danh mục các Nghị định bao gồm:

- Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

- Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 07/01/2016 Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

- Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 Sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP, ngày 06/4/2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành 1 số điều của Luật viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

- Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử;

- Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.

(Danh mục Nghị định, Thông tư, Quyết định còn hiệu lực trong lĩnh vực viễn thông trong Phụ lục II kèm theo)

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ HỆ THỐNG HÓA CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC VIỄN THÔNG

3.1. Quy định mâu thuẫn, chồng chéo

3.1.1. Các nội dung liên quan đến quy trình, thủ tục và các cụm từ như "Giấy chứng nhận đầu tư", "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh"... quy định tại Điều 18 Luật Viễn thông hiện chưa phù hợp với Luật Đầu tư 2020 và Luật Doanh nghiệp 2020.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 18 Luật Viễn thông để đồng bộ với Luật Đầu tư 2020 và Luật Doanh nghiệp 2020.

3.1.2. Một số nội dung liên quan đến tập trung kinh tế trong lĩnh vực viễn thông được quy định tại Điều 19 (Khoản 5,6,7) Luật Viễn thông hiện đã không còn phù hợp với Luật Cạnh tranh 2018.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 19 Luật Viễn thông để đồng bộ với Luật Cạnh tranh 2018, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật viễn thông liên quan đến sử dụng tài nguyên viễn thông, sở hữu chéo trong kinh doanh dịch vụ viễn thông phù hợp với thông lệ quản lý viễn thông trên thế giới.

3.1.3. Các thuật ngữ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” và “Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư” quy định tại Điều 36 Luật Viễn thông không còn phù hợp với Luật Đầu tư 2020 và Luật Doanh nghiệp 2020.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 36 Luật Viễn thông để đồng bộ với Luật Đầu tư 2020 và Luật Doanh nghiệp 2020.

3.1.4. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định đấu giá quyền sử dụng kho số viễn thông tại Điều 48 Luật Viễn thông hiện đã không còn phù hợp với Luật Quản lý sử dụng tài sản công.

Điều 48 Luật Viễn thông quy định Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết việc phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet thông qua đấu giá, chuyển nhượng. Tuy nhiên, Điều 122 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định mức thu, phương thức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, tiền sử dụng tài nguyên, tiền thuê tài nguyên thực hiện theo quy định của Chính phủ.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 48 Luật Viễn thông để đồng bộ với Luật Quản lý sử dụng tài sản công.

IV. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT VIỄN THÔNG 2009 SO VỚI TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI

4.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (02 nội dung)

a) Về phạm vi điều chỉnh

Xu hướng phát triển rất nhanh của viễn thông chuyển đổi thành hạ tầng số với sự xuất hiện của các loại hình dịch vụ, mô hình kinh doanh mới đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện quy định quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây theo hướng phát triển nhanh, bền vững, hiện đại, phổ cập và tiết kiệm năng lượng, hình thành hạ tầng số. Do đó, vấn đề đặt ra là xem xét phạm vi điều chỉnh của luật để đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tiễn, xem xét chính sách thúc đẩy phát triển hạ tầng viễn thông trong giai đoạn mới, chính sách quản lý và các loại hình dịch vụ viễn thông mới.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Nghiên cứu, xem xét phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Luật Viễn thông cho phù hợp với xu thế phát triển.

b) Về một số thuật ngữ

- Xem xét sửa đổi một số thuật ngữ trong Điều 3 Luật Viễn thông sao cho phù hợp với sự phát triển của công nghệ và xu thế hội tụ giữa viễn thông với công nghệ thông tin với thực tiễn, chẳng hạn như: khái niệm dịch vụ viễn thông không

chỉ bó hẹp trong các dịch vụ thông tin liên lạc giữa người với người mà còn bao gồm các dịch vụ truyền đưa thông tin, dữ liệu giữa người với máy, máy với máy (IoT),...; bổ sung một số khái niệm mới để đồng bộ với sự thay đổi về phạm vi điều chỉnh của luật, ví dụ dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông...

- Ngoài ra, theo WTO, dịch vụ viễn thông cơ bản được định nghĩa là dịch vụ gửi, truyền, nhận thông tin từ đầu cuối đến đầu cuối cho người sử dụng dịch vụ (ví dụ dịch vụ điện thoại, dịch vụ nhắn tin, dịch vụ truyền số liệu là các dịch vụ viễn thông cơ bản). Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng được WTO định nghĩa là dịch vụ gửi, truyền, nhận thông tin mà thông qua đó nhà cung cấp dịch vụ gia tăng thêm giá trị cho thông tin của người sử dụng bằng cách cung cấp tính năng lưu trữ và truy xuất, xử lý thông tin của người sử dụng (ví dụ dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ thư điện tử,... là các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng). Như vậy đối chiếu với định nghĩa của WTO thì các dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây cung cấp dịch vụ cho người sử dụng thuê hạ tầng (mạng, máy chủ, thiết bị lưu trữ, ứng dụng) để thực hiện hoạt động lưu trữ và truy xuất, xử lý thông tin của người sử dụng thông qua mạng viễn thông là các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông. Trên thế giới, một số quốc gia như Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Ai Cập,... cũng quy định dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây là dịch vụ viễn thông và quản lý theo pháp luật về viễn thông.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Nghiên cứu, điều chỉnh các thuật ngữ trong Điều 3 Luật Viễn thông để phù hợp với sự phát triển của công nghệ và xu thế hội tụ giữa viễn thông và công nghệ thông tin.

Nghiên cứu bổ sung định nghĩa các dịch vụ viễn thông cơ bản, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng (Luật 2009 chưa có định nghĩa về các loại dịch vụ này) phù hợp với cam kết WTO.

4.2. Về cấp phép viễn thông

a) Về hình thức cấp phép viễn thông

Hiện nay, điều kiện cấp phép có sự phân biệt giữa 02 loại hình giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng và giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông (giấy phép thiết lập mạng có thêm điều kiện về vốn pháp định và cam kết đầu tư phân biệt với từng loại mạng viễn thông so với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn

thông), tuy nhiên, thủ tục cấp phép, hồ sơ, quy trình xử lý hồ sơ đều được thực hiện như nhau, không phân biệt theo loại giấy phép, loại mạng viễn thông và loại hình dịch vụ. Các doanh nghiệp xin giấy phép đều phải chuẩn bị hồ sơ với phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh trong 5 năm đầu phức tạp, phải gửi 05 bộ hồ sơ đến cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông, chờ 15 ngày để thẩm định và cấp giấy phép dẫn đến bất cập là hình thức cấp phép chưa phù hợp với đối tượng xin cấp phép cũng như loại giấy phép.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Luật Viễn thông theo hướng bổ sung thêm điều khoản quy định các hình thức cấp phép với các loại giấy phép khác nhau nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm bớt gánh nặng cho doanh nghiệp cũng như đảm bảo phù hợp với thực tiễn, yêu cầu quản lý.

b) Về điều kiện cấp phép viễn thông

Điều kiện cấp phép là cam kết đầu tư chưa phù hợp, chưa đảm bảo mục tiêu phổ cập dịch vụ đối với doanh nghiệp được cấp phép, nhiều doanh nghiệp xin cấp giấy phép thiết lập hạ tầng mạng chỉ tập trung đầu tư vào những khu vực kinh doanh hiệu quả, thuận lợi; quy định điều kiện vốn pháp định không còn phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

Mức cam kết đầu tư chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp lần đầu xin giấy phép thiết lập mạng. Khi doanh nghiệp được cấp phép thêm tài nguyên (tần số), chưa có quy định các điều kiện bổ sung về triển khai mạng lưới, vùng phủ dẫn đến sự bất bình đẳng với các doanh nghiệp mới xin cấp phép. Ngoài ra, thời hạn giấy phép thiết lập mạng chưa được quy định gia hạn khi doanh nghiệp có quyền được cấp phép thêm tài nguyên tần số.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Luật Viễn thông theo hướng sửa đổi, bổ sung Điều 36 về Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, thay vốn pháp định và cam kết đầu tư bằng vốn điều lệ và điều kiện triển khai mạng lưới, chất lượng dịch vụ phù hợp với quy hoạch của Nhà nước và các quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp thiết lập mạng; bổ sung quy định gia hạn giấy phép khi doanh nghiệp được cấp phép thêm tài nguyên tần số.

c) Về thời hạn giấy phép

Theo quy định của Luật Viễn thông, giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông bao gồm (1) Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng, có thời hạn không

quá 15 năm được cấp cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, (2) Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông, có thời hạn không quá 10 năm được cấp cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng và chưa có quy định về giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông cấp cho doanh nghiệp có hạ tầng mạng. Doanh nghiệp hạ tầng mạng không được phép cung cấp dịch vụ viễn thông nếu không có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 34 Luật Viễn thông theo hướng làm rõ thời hạn đối với từng loại giấy phép, đảm bảo đầy đủ, rõ ràng, minh bạch.

d) Về sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông

Điều 39 Luật Viễn thông chưa quy định đầy đủ các trường hợp thu hồi giấy phép viễn thông như: (1) doanh nghiệp muốn chủ động dừng kinh doanh; (2) doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các quy định về kinh doanh; (3) thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông trường hợp không nộp đầy đủ phí quyền hoạt động viễn thông. Luật cũng chưa có quy định về trường hợp thu hồi tần số thì phải sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông như thế nào.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Luật Viễn thông theo hướng bổ sung các trường hợp thu hồi giấy phép viễn thông, đồng bộ với các luật khác (ví dụ: Luật Quản lý thuế), sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông khi thu hồi một phần tần số.

4.3. Về quản lý và điều tiết thị trường

a) Về quản lý thị trường bán buôn

Viễn thông là ngành nghề kinh doanh có điều kiện với tài nguyên viễn thông là hữu hạn nên điều kiện cấp phép khi thiết lập hạ tầng viễn thông là phải cho thuê hạ tầng. Để mở cửa thị trường và thúc đẩy cạnh tranh, Luật Viễn thông 2009 đã có quy định về quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp có hạ tầng mạng trong việc cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ và đã xuất hiện thị trường bán buôn. Tuy nhiên, sau hơn 10 năm thi hành luật, 03 doanh nghiệp mạng di động ảo - doanh nghiệp không sở hữu quyền sử dụng tần số (MVNO) phải mất đến vài năm để đàm phán thành công giá mua buôn lưu lượng. Thị trường mạng di động ảo theo đó không phát triển, dịch vụ cung cấp tới người sử dụng bị hạn chế một phần, chưa thúc đẩy phát triển dịch vụ mới.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 16, 17, 18 Luật Viễn thông, bổ sung thêm điều khoản cụ thể quy định về dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn, bán lẻ, bổ sung trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp sở hữu hạ tầng viễn thông trong việc công bố giá bán buôn lưu lượng, giá cho thuê hạ tầng, quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước trong việc quản lý bán buôn...

b) Về sở hữu trong kinh doanh dịch vụ viễn thông

Điều 17 Luật Viễn thông chưa nêu rõ trường hợp sở hữu chéo là trực tiếp hay gián tiếp, cần xem xét bổ sung, làm rõ để đảm bảo đầy đủ quy định phục vụ công tác thực thi.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 17 Luật Viễn thông theo hướng quy định rõ đối với trường hợp sở hữu gián tiếp qua doanh nghiệp trung gian.

c) Về cạnh tranh trong kinh doanh dịch vụ viễn thông

Khoản 2 Điều 19 Luật Viễn thông quy định các hành vi cạnh tranh bị cấm mang tính đặc thù trong hoạt động viễn thông. Các hành vi này cần được rà soát, cập nhật thêm để phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông hiện nay. Ngoài ra, Điều 19 cũng chưa quy định đầy đủ khung quản lý cạnh tranh tiền kiểm theo thông lệ quốc tế bao gồm: xác định thị trường, đánh giá mức độ cạnh tranh trên thị trường, xác định doanh nghiệp thống lĩnh thị trường (SMP), quy định các biện pháp quản lý SMP.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 19 Luật Viễn thông theo hướng bổ sung các quy định quản lý tiền kiểm theo thông lệ quốc tế.

d) Về quy định đối với doanh nghiệp thống lĩnh thị trường

Theo thông lệ quốc tế và cam kết quốc tế của Việt Nam, để đảm bảo thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp nắm giữ phương tiện viễn thông thiết yếu, doanh nghiệp thống lĩnh thị trường (SMP) phải tuân thủ thêm một số quy định, nghĩa vụ như: quy định phải cung cấp các dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn cho doanh nghiệp khác để bán lại dịch vụ; quy định về chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông, phương tiện thiết yếu; quy định về việc thực hiện hạch toán chi phí, xác định giá thành dịch vụ; quy định về quản lý giá cước viễn thông,... chế độ thống kê, kế toán riêng đối với dịch vụ thống lĩnh thị trường và xác định giá thành dịch vụ. Tuy nhiên các quy định này chưa có hoặc chưa được quy định đầy đủ trong Luật Viễn thông hiện hành.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Hoàn thiện, bổ sung các quy định trong Luật Viễn thông và các văn bản dưới luật liên quan đến các doanh nghiệp nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp thống lĩnh thị trường.

e) Về quản lý dịch vụ thông tin vệ tinh

Xu thế thông tin vệ tinh mới (vệ tinh tầm thấp phát triển) đặt ra các vấn đề quản lý mới như quản lý việc cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, an ninh quốc phòng...

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Luật Viễn thông theo hướng làm rõ quy định về cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, bổ sung quy định về quản lý và phát triển dịch vụ vệ tinh.

4.4. Về kết nối viễn thông, cơ sở hạ tầng viễn thông

a) Về kết nối viễn thông

Hiện nay, các quy định về quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet khi kết nối với nhau và với VNIX còn chưa rõ hoặc mới chỉ được quy định ở cấp Nghị định của Chính phủ, chưa quy định được nguyên tắc, tiêu chuẩn đầu nối, tiêu chuẩn chất lượng kết nối Internet phù hợp với thông lệ quốc tế, chưa có cơ chế quản lý giá đối với giá cước kết nối Internet dẫn đến có tình trạng các doanh nghiệp gặp khó khăn, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Nghiên cứu, xem xét bổ sung, hoàn thiện quy định trong các văn bản hướng dẫn luật.

b) Về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông

Điều 5 Khoản 8 giao thẩm quyền cho Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông không còn phù hợp trong bối cảnh hệ thống pháp luật chung có nhiều thay đổi (Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin,...).

** Đề xuất phương án xử lý:*

Nghiên cứu, sửa đổi Điều 5 Khoản 8 Luật Viễn thông theo hướng điều chỉnh cho phù hợp với hệ thống pháp luật chung và xem xét quy định làm rõ các nội

dung về quyền hạn, trách nhiệm của các bộ ngành liên quan đến an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng, an ninh thông tin.

c) Về quản lý doanh nghiệp cho thuê hạ tầng viễn thông thụ động

Đầu tư cơ sở hạ tầng viễn thông công cộng có thể hiểu bao gồm: Thiết lập mạng viễn thông công cộng và thiết lập các cơ sở hạ tầng khác (hạ tầng viễn thông thụ động) để cho thuê công cộng. Thực tế hiện nay cũng đang có các doanh nghiệp (không phải doanh nghiệp viễn thông) triển khai thực hiện hai hoạt động trên. Tuy nhiên, các điều khoản quy định trong Luật Viễn thông mới chỉ quy định quản lý đối tượng doanh nghiệp viễn thông thiết lập mạng viễn thông, chưa quản lý đối tượng doanh nghiệp chỉ thiết lập và cho thuê hạ tầng viễn thông thụ động.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Nghiên cứu, xem xét sửa đổi Luật Viễn thông theo hướng bổ sung điều khoản quy định quản lý hoạt động thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động và cho các doanh nghiệp viễn thông thuê.

d) Về sử dụng đất để xây dựng hạ tầng viễn thông và quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

Điều 57 Luật Viễn thông quy định công trình viễn thông được ưu tiên sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, lòng sông, đáy biển. Tuy nhiên việc triển khai xây dựng, lắp đặt hạ tầng viễn thông trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn. Luật Đất đai, Luật Quản lý tài sản công có quy định nghiêm cấm việc sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp vào mục đích khác. Do đó, các doanh nghiệp viễn thông gặp nhiều khó khăn trong việc thuê vị trí, mặt bằng của các chủ thể được Nhà nước giao quản lý, sử dụng đất, tài sản công để xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông. Ngoài ra, quy định của Luật Viễn thông về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là nội dung bắt buộc trong quy hoạch xây dựng công trình giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế,... cần được cụ thể hóa thêm về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan liên quan để bảo đảm thực thi đầy đủ trên thực tế.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Rà soát để bổ sung các quy định để tạo thuận lợi hơn nữa cho việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông; việc đồng bộ giữa quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động với các quy hoạch về xây dựng.

e) Về dùng chung cơ sở hạ tầng viễn thông

Việc dùng chung cơ sở hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp còn thấp khoảng 20.3% đối với cột ăng ten (cùng một vị trí cả 3 nhà mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel đều xây dựng, lắp đặt cột BTS gây mất mỹ quan đô thị và tốn kém kinh phí).

** Đề xuất phương án xử lý:*

Luật Viễn thông đã có quy định về chia sẻ hạ tầng viễn thông tại Điều 45, sẽ được xem xét, làm rõ trong các quy định tại các văn bản dưới luật để hướng dẫn cụ thể hơn về việc dùng chung cơ sở hạ tầng viễn thông.

f) Về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến hạ tầng viễn thông

Quy hoạch công trình viễn thông được quy định tại các khoản 2,3 Điều 57 Luật Viễn thông, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn, quy chuẩn cụ thể về triển khai hạ tầng viễn thông, đặc biệt hạ tầng viễn thông trên hệ thống đường cao tốc, đường hầm, đường trên cao, hệ thống cầu đường bộ. Đồng thời, chưa có quy định về việc bắt buộc phải ngầm hóa cáp viễn thông, truyền hình đối với các khu đô thị mới, khu công nghiệp mới... cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn cụ thể.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Nghiên cứu, xem xét xây dựng và ban hành văn bản dưới luật quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về triển khai hạ tầng viễn thông tại các tuyến đường cao tốc, đường hầm, đường trên cao, tuyến tàu điện ngầm, hệ thống cầu đường; quy định, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, quy chuẩn hoặc quy cách ngầm hóa mạng cáp phía sau hàng rào và phía trước tòa nhà...

g) Về quy định đối với doanh nghiệp nắm giữ phương tiện viễn thông thiết yếu

Hiện nay quy định về việc xác định “phương tiện viễn thông thiết yếu”, “doanh nghiệp nắm giữ phương tiện viễn thông thiết yếu”, trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông đối với các phương tiện thiết yếu còn chưa rõ ràng, đầy đủ.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Nghiên cứu, xem xét bổ sung, làm rõ khái niệm, các quy định liên quan đến phương tiện viễn thông thiết yếu trong Luật Viễn thông và các văn bản dưới luật.

4.5. Về quản lý giá cước viễn thông

a) Về các loại giá cước

Điều 53 Khoản 3 Luật Viễn thông, giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông chưa đầy đủ đối với hoạt động sử dụng mạng viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác. Ngoài ra cũng chưa có quy định về giá thuê cơ sở hạ tầng thụ động.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 53 Luật Viễn thông theo hướng bổ sung quy định nhằm xác định đầy đủ các loại giá trong viễn thông cần quản lý và quy định phương pháp quản lý.

b) Về hình thức quản lý giá cước

Điều 56 Luật Viễn thông chưa quy định rõ ràng các hình thức quản lý giá cước. Hiện nay theo dự thảo Luật giá (sửa đổi) có các hình thức quản lý giá như sau: Định giá cụ thể; giá trần; giá sàn; khung giá; giá tham chiếu; quy định phương pháp xác định giá. Do đó, cần điều chỉnh cho phù hợp.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 56 Luật Viễn thông theo hướng bổ sung quy định quản lý giá cước và đồng bộ với Luật Giá hiện đang sửa đổi, bổ sung.

4.6. Một số nội dung khác

a) Về bảo vệ quyền lợi của người sử dụng

Xuất hiện thêm nhiều loại hình dịch vụ mới, phạm vi quản lý của hoạt động viễn thông được mở rộng, rủi ro người dùng gặp phải càng nhiều. Việc đảm bảo bí mật thông tin riêng của người sử dụng không chỉ dừng lại là thông tin về cuộc gọi như đang quy định trong Luật mà cần mở rộng các thông tin riêng khác, đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro người dùng có thể gặp phải.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Sửa đổi Điều 6 Luật Viễn thông theo hướng bổ sung quy định về đảm bảo bí mật thông tin và quyền lợi của người sử dụng.

b) Về quản lý thông tin thuê bao

Hiện nay vẫn còn những vấn đề bất cập trong quản lý, đăng ký xác thực thông tin người dùng, vẫn còn vấn đề sim rác, cuộc gọi rác, thông tin đăng ký không chính chủ. Bên cạnh đó, cần xem xét tạo điều kiện cho người sử dụng dịch vụ di động có thể đăng ký thông tin thuê bao qua kênh online để phù hợp với chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng CN lần thứ 4 và chuyển đổi số quốc gia được nêu tại NQ 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị. Đồng thời, xem xét cho phép các doanh nghiệp viễn thông có thể kết nối với cơ sở dữ

liệu căn cước công dân của Bộ Công an để đối chiếu, xác thực các thông tin do khách hàng cung cấp nhằm thuận tiện trong việc quản lý thông tin thuê bao.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Nghiên cứu, xem xét quy định bổ sung tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông sửa đổi.

Tăng cường công tác thực thi, tuyên truyền tới người sử dụng trong việc sử dụng thuê bao điện thoại di động.

c) Về xử phạt doanh nghiệp

Hiện có nhiều trường hợp doanh nghiệp viễn thông không thu hồi, thanh toán cáp thuê bao, thiết bị viễn thông, cần xem xét biện pháp xử lý dứt điểm.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Vấn đề vướng mắc này có thể xử lý bằng cách bổ sung chế tài xử phạt đối với các doanh nghiệp viễn thông vi phạm. Do liên quan đến hoạt động xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông nên đề xuất nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định vào Nghị định 15/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông đảm bảo khả thi và hiệu quả áp dụng.

d) Về cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Luật Viễn thông chưa có quy định cụ thể các trường hợp mà doanh nghiệp viễn thông phải cung cấp thông tin thuê bao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền (các trường hợp phục vụ xử lý vi phạm hành chính), chưa quy định cụ thể cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được yêu cầu doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp cung cấp thông tin thuê bao là những cơ quan nào.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh quy định tại Điều 6 Luật Viễn thông về bảo đảm bí mật thông tin và bổ sung các nội dung hướng dẫn cụ thể trong văn bản dưới luật.

e) Về các số liên lạc khẩn cấp

Điều 29 Luật Viễn thông đã có quy định liên quan đến các số liên lạc khẩn cấp, tuy nhiên, cần xem xét mở rộng phạm vi các số liên lạc khẩn cấp trong các trường hợp tìm kiếm cứu nạn, dịch bệnh...

Hiện nay, dịch vụ điện thoại cố định đang ở thời kỳ thoái trào, bị thay thế bởi dịch vụ điện thoại di động. Do đó lưu lượng gọi đến các số liên lạc khẩn cấp

từ điện thoại cố định nội hạt rất nhỏ, hầu hết lưu lượng phát sinh là từ điện thoại di động. Cần xem xét điều chỉnh quy định cho phù hợp.

** Đề xuất phương án xử lý:*

Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, sửa đổi Điều 29 thành "Miễn giá cước gọi đến các số liên lạc khẩn cấp cho người sử dụng dịch vụ điện thoại".

V. RÀ SOÁT CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ TRONG DỰ THẢO LUẬT VIỄN THÔNG (SỬA ĐỔI) SO VỚI CÁC VĂN BẢN HIỆN HÀNH

Trên cơ sở dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) đối chiếu với các quy định hiện hành tại các văn bản quy phạm còn hiệu lực do các cấp thẩm quyền khác nhau ban hành có nội dung liên quan đến lĩnh vực viễn thông, kết quả rà soát cụ thể như sau:

Luật Viễn thông (sửa đổi) quy định về những vấn đề chung bao gồm phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng Luật Viễn thông, giải thích từ ngữ các chính sách của Nhà nước về viễn thông, vấn đề bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin; các quy định về chính sách kinh doanh viễn thông và điều tiết thị trường bán buôn; các quy định về cấp phép viễn thông; kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây; dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông; các quy định về viễn thông công ích, kết nối và chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông, tài nguyên viễn thông, quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng và giá cước viễn thông, công trình viễn thông, đấu giá tài nguyên viễn thông.

- Quy định về phạm vi điều chỉnh không chồng chéo với các luật như Bộ luật Dân sự, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Cạnh tranh, Luật Giá, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Công nghệ thông tin...

- Đối chiếu với định nghĩa của WTO thì các dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây thực hiện hoạt động lưu trữ và truy xuất, xử lý thông tin của người sử dụng thông qua việc gửi, truyền, nhận thông tin trên mạng viễn thông là các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông. Trên thế giới, một số quốc gia như Trung Quốc, Thái Lan, Ai Cập,... cũng quy định dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây là dịch vụ viễn thông và quản lý theo pháp luật về viễn thông.

Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) không mở rộng khái niệm “viễn thông” mà chỉ bổ sung thêm giải thích các thuật ngữ “dịch vụ viễn thông cơ bản”, “dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng” (là các dịch vụ đã được đề cập trong Luật Viễn thông 2009 nhưng chưa có định nghĩa cụ thể) trên cơ sở định nghĩa của WTO.

Về nguyên tắc, các dịch vụ viễn thông cơ bản, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng được điều chỉnh theo các quy định chung trong Luật Viễn thông. Tuy nhiên, ngoài các quy định áp dụng chung cho các loại dịch vụ viễn thông cơ bản, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng thì dự thảo Luật bổ sung một số quy định cụ thể hơn đối với một số dịch vụ như dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cung cấp qua vệ tinh chùm,... vì đây là các dịch vụ viễn thông được cung cấp phổ biến qua hình thức xuyên biên giới, cần có quy định cụ thể hơn trong luật để bảo đảm quản lý bảo vệ dữ liệu người dùng, an toàn, an ninh. Ngoài ra, các dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây còn là những dịch vụ ngày càng quan trọng đối với hạ tầng số quốc gia, cần được điều chỉnh trong Luật để có các chính sách quản lý phù hợp, nhằm khuyến khích, tạo thuận lợi cho phát triển.

Dự thảo luật đã hiệu chỉnh lại khoản 2 Điều 3 về giải thích thuật ngữ “hoạt động viễn thông” để làm rõ phạm vi điều chỉnh của luật trong đó bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông cơ bản, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; sắp xếp lại khái niệm các dịch vụ trong Điều 3 và giao cho Chính phủ quy định về phân loại cụ thể các dịch vụ viễn thông cơ bản, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng.

- Trong hệ thống pháp luật hiện hành, cơ bản các luật đều có điều giải thích từ ngữ như Luật An toàn thông tin, Luật Giá, Luật Đầu tư, Luật Công nghệ thông tin, Luật Thương mại... Do đó, các quy định về giải thích từ ngữ của dự thảo Luật sửa đổi cơ bản kế thừa Luật Viễn thông hiện hành và có sửa đổi, bổ sung một số thuật ngữ phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đồng bộ, thống nhất với các luật hiện hành có liên quan và xu thế phát triển của cách mạng lần thứ 4, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số.

- Các điều khoản, nội dung quy định cụ thể trong Luật Viễn thông (sửa đổi) rà soát đều tương thích, không chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản hiện hành.
(Kết quả rà soát cụ thể dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) so với các văn bản hiện hành trong Phụ lục III kèm theo).

VI. RÀ SOÁT CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ TRONG DỰ THẢO LUẬT VIỄN THÔNG (SỬA ĐỔI) SO VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Liên quan đến lĩnh vực viễn thông, Việt Nam hiện đang là thành viên tham gia một số Hiệp định Thương mại tự do, trong đó có các cam kết liên quan đến lĩnh vực viễn thông. Cụ thể:

- Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới (WTO);
- Hiệp định đối tác toàn diện và tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP);
- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA);
- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP);
- Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA);
- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA);
- Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Úc và Niu Di-lân (AANZFTA);
- Hiệp định Thương mại tự do song phương giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á – Âu (VN – EAEUFTA);
- Hiệp định Thương mại tự do ASEAN và Hồng Kông (Trung Quốc);
- Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA);
- Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP);

Nội dung chính của các cam kết trong lĩnh vực viễn thông chủ yếu tập trung ở phần Biểu cam kết về dịch vụ, trong đó quy định rõ các loại dịch vụ, các điều kiện cung cấp và tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài khi cung cấp dịch vụ theo phương thức hiện diện thương mại.

Về nguyên tắc, các cam kết đủ rõ, đủ chi tiết thì Việt Nam sẽ áp dụng trực tiếp thông qua Nghị quyết của Quốc hội. Đối với các cam kết trong Biểu cam kết dịch vụ hầu hết các nội dung được áp dụng trực tiếp, ví dụ như cam kết về ngưỡng mở cửa thị trường cho các nhà đầu tư hay nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, cho các dịch vụ của các nhà cung cấp nước ngoài. Ngoài ra, một số nội dung cam kết cần xem xét và có quy định hướng dẫn cụ thể, được rà soát và đề xuất đưa vào Luật Viễn thông (sửa đổi) cũng như các văn bản hướng dẫn luật.

Bên cạnh đó, rà soát Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) cũng đảm bảo các điều khoản đều tương thích với các nội dung trong Công ước liên quan đến quyền con người.

Các điều khoản, nội dung quy định cụ thể trong Luật Viễn thông (sửa đổi) đã rà soát đều tương thích, không chòng chéo, mâu thuẫn với các cam kết, điều ước, công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

(Kết quả rà soát cụ thể dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) so với các Điều ước quốc tế trong Phụ lục IV kèm theo).

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế liên quan đến dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ: BTCN, các PCN;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Lưu: VT, CVT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Phạm Đức Long